

Số: 37 /TB-TTBVTV-KT

Đồng Nai, ngày 03 tháng 5 năm 2018

THÔNG BÁO

Tình hình sinh vật gây hại 7 ngày
(Từ ngày 17 – 23/5/2018)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết trong tuần

- Nhiệt độ: Trung bình: 27,8 – 28,9°C; Cao nhất: 36,1 °C; Thấp nhất: 21,2°C.
- Ẩm độ: Trung bình: 73 – 80%; Thấp nhất: 41%.
- Tổng số giờ nắng: 62 – 84 giờ.
- Lượng mưa: 25 - 125mm.

Thời tiết: Mây thay đổi đến nhiều mây, ngày nắng, có nơi nắng nóng, mưa rải rác, riêng 2 ngày cuối tuần mưa diện rộng, rải rác xảy ra mưa vừa, mưa to và dông.

Các loại cây trồng sinh trưởng và phát triển bình thường.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Cây lúa: Vụ Hè Thu: Xuống giống 10.878 ha/22.185 ha, đạt 49% DTKH. Lúa đang ở giai đoạn: xuống giống, mạ (8.570ha), đẻ nhánh (2.308 ha).

Các giống chủ yếu OM6976, OM7347, OM6162, OM4900, OM5451, ML214, ML202, IR50404, MTL110...

Cây trồng khác

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Bắp	Cây con	9.661/20.068
Rau các loại	Các giai đoạn	4.291
Đậu các loại	Các giai đoạn	1.440
Cây có múi	Các giai đoạn	6.936
Chôm chôm	Ra hoa, đậu trái	10.950
Xoài	Nuôi trái, thu hoạch	11.534
Chuối	Các giai đoạn	7.306
Sầu riêng	Nuôi trái, thu hoạch	4.051
Tiêu	Các giai đoạn	17.087
Điều	Thu hoạch	38.888
Cao su (tiểu điền)	Các giai đoạn	14.568
Cà phê	Các giai đoạn	17.172

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI (SVH) 7 NGÀY QUA

1. Trên cây lúa: Lúa vụ Hè Thu giai đoạn xuống giống, mạ, đẻ nhánh. SVH chủ yếu: Ốc bươu vàng DTN 333 ha tăng 114 ha, bọ trĩ DTN 120 ha tăng 43 ha, bệnh đạo ôn lá DTN 52 ha, rầy nâu DTN 14 ha giảm 2 ha.

2. Cây trồng khác

- Cây bắp: Giai đoạn cây con, SVH chủ yếu sâu xám DTN 44 ha tăng 20 ha.

- Rau màu: DTN các SVH ở mức nhẹ.

- Cây ăn quả: Tình hình thời tiết ngày nắng nóng, chiều tối có mưa, tạo điều kiện cho một số SVH phát triển.

+ Cây có múi: SVH có xu hướng tăng. Sâu vẽ bùa DTN 231 ha giảm 48 ha, bệnh sẹo DTN 20 ha tăng 10 ha.

+ Xoài: Sâu đục cành DTN 48 ha, ruồi đục quả DTN 23 ha giảm 2 ha.

+ Sầu riêng: Bệnh xì mù DTN 380 ha giảm 14 ha, bệnh cháy lá chết đọt DTN 314 ha tăng 2 ha.

+ Chuối: Bệnh đốm lá vi khuẩn DTN 100 ha tăng 5 ha.

+ Thanh long: Bệnh đốm nâu DTN 87 ha tăng 2 ha, có 3 ha nhiễm nặng.

- Cây công nghiệp:

+ Cây tiêu: Bệnh thán thư DTN 960 ha tăng 21 ha, bệnh chết chậm DTN 853 ha, có 4 ha nhiễm nặng, bệnh tuyến trùng DTN 519 ha tăng 9 ha, có 4 ha nhiễm nặng.

+ Cây điều: Nông dân chủ động phòng trừ hiệu quả, SVH giảm mạnh: bệnh thán thư DTN 115 ha giảm 307 ha, bệnh nấm hồng DTN 147 ha.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIẠN TỚI

Với điều kiện thời tiết và giai đoạn sinh trưởng của các loại cây trồng trong kỳ, cần chú ý các đối tượng SVH sau:

- Cây lúa: Ốc bươu vàng, bọ trĩ, rầy nâu, VL – LXL, đạo ôn lá và các SVH khác.

- Cây bắp: Chú ý sâu xám, rệp ngô.

- Cây rau: Sâu tơ, bọ nhảy, bọ trĩ, dòi đục lá, bệnh sương mai, bệnh thối nhũn.

- Cây ăn quả: Bệnh xì mù, bệnh cháy lá chết đọt, bệnh nấm hồng (sầu riêng); sâu vẽ bùa, bệnh chảy gôm (cây có múi); bệnh thán thư, bọ trĩ, ruồi đục quả (xoài).

- Cây công nghiệp: Bệnh thán thư, tuyến trùng, bệnh chết nhanh, chết chậm (hồ tiêu); bọ xít muỗi, bệnh thán thư, bọ trĩ (điều); bệnh phấn trắng, nấm hồng (cao su); bệnh khảm lá (mì).

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Khuyến cáo nông dân áp dụng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc phù hợp từng giai đoạn phát triển của cây, thường xuyên thăm đồng phát hiện kịp thời các SVH, xử lý kịp thời.

- Cây lúa: Chú ý theo dõi diễn biến các đối tượng sâu bệnh trên lúa để có biện pháp phòng chống kịp thời. Thực hiện tốt công văn số 154/BVTV-TV, ngày 16/01/2018, về việc tăng cường phòng chống sâu năn, bệnh VL-LXL hại lúa của Cục BVTV.

- Cây lâu năm: Chú ý bón phân cân đối, theo dõi diễn biến các SVH, phun thuốc phòng chống khi cần thiết.

Các trạm Trồng trọt và BVTV huyện, liên huyện tiếp tục thực hiện thông báo về dự tính, dự báo sâu bệnh hại trên các loại cây trồng; tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng chống sâu bệnh tổng hợp cho nông dân, báo cáo về Chi cục để xem xét chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV phía Nam (Email);
- Sở NN và PTNT (Báo cáo);
- Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng (Email);
- Các trạm Trồng trọt và BVTV (Email);
- Phòng quản trị mạng (đăng trang web);
- Lưu: VT, KT.

kt. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Công Tú



DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH
(Từ ngày 17/5 đến ngày 23/5/2018)

Cây trồng	Tên SVGH *	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước (+/-)	Số CKNT (+/-)	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	Các giai đoạn	1 - 10		229	2	0	231	0	-48.0	91.0	94	Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc, TX Long Khánh, Trảng Bom, Thống Nhất
	Bệnh sọc	Các giai đoạn	5		19	1	0	20	0	10.0	4.0	15	Tân Phú, Trảng Bom
Chôm chôm	Rệp sáp	Bông-trái	5 - 13		160	0	0	160	0	14.0	48.0	60	Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, TX Long Khánh
	Bệnh cháy mép lá	Bông-trái	10 - 12		124	2	0	126	0	5.0	-6.0	35	Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom, Tân Phú
Chuối	Bệnh đốm lá VK	Các giai đoạn	10 - 21		93	7	0	100	0	5.0	-73.0	35	Trảng Bom, Thống Nhất
Mãng cụt	Bệnh cháy gôm quả	Nuôi quả	3 - 5		10	0	0	10	0	10.0	10.0	0	TX Long Khánh
Nhãn	Bệnh chổi rồng nhãn	Bông-trái	7		35	0	0	35	0	0.0	7.0	10	Xuân Lộc
Sầu riêng	Bệnh cháy gôm	Các giai đoạn	5 - 10		380	0	0	380	0	-14.0	243.0	141	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, TX Long Khánh, Tân Phú, Thống Nhất
	Bệnh cháy lá, chết đọt	Các giai đoạn	5 - 10		314	0	0	314	0	2.0	-422.0	93	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Thống Nhất, Tân Phú
Thanh Long	Bệnh đốm nâu	Các giai đoạn	10	20	65	19	3	87	0	2.0	30.0	30	Trảng Bom, Xuân Lộc
Xoài	Sâu đục cành	Chăm sóc	5		48	0	0	48	0	0.0	24.0	0	Định Quán
	Ruồi đục quả	Cho trái	12		23	0	0	23	0	-2.0	-200.0	50	Vĩnh Cửu
Ca cao	Bọ xít muỗi	Các giai đoạn	10 - 17		33	0	0	33	0	-4.0	8.0	35	Thống Nhất, Trảng Bom
Cà phê	Bệnh gỉ sắt	Các giai đoạn	10 - 20		759	14	0	773	0	128.0	288.0	49	Cẩm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, Tân Phú, Thống Nhất
	Rệp sáp	Chăm sóc-Nuôi trái	13 - 15		496	3	0	499	0	-28.0	74.0	122	Định Quán, Xuân Lộc, Tân Phú, Cẩm Mỹ, TX Long



													Khánh, Thống Nhất, Trảng Bom
	Bệnh đốm mắt cua	Các giai đoạn	15		365	4	0	369	0	4.0	195.0	0	Cầm Mỹ, Trảng Bom
	Bệnh khô cành	Các giai đoạn	13 - 15		197	14	0	211	0	5.0	-97.0	49	Cầm Mỹ, Trảng Bom, TX Long Khánh, Tân Phú, Thống Nhất
Cao su	Bệnh phấn trắng	Các giai đoạn	13		403	2	0	405	0	3.0	7.0	0	Cầm Mỹ, Trảng Bom
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	10 - 20		254	1	0	255	0	-1.0	139.0	146	Tân Phú, Cầm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom
Điều	Sâu đục thân, cành	Các giai đoạn	8 - 11		228	2	0	230	0	21.0	79.0	25	Cầm Mỹ, Thống Nhất, Định Quán, Trảng Bom
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	15 - 16		147	0	0	147	0	86.0	-52.0	0	Định Quán, Cầm Mỹ
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 12	25	99	16	0	115	0	-307.0	2.0	37	Trảng Bom, Thống Nhất
Hồ tiêu	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 7		913	47	0	960	0	21.0	245.0	69	Trảng Bom, Thống Nhất
	Bệnh chết chậm	Các giai đoạn	3 - 10	15	722	127	4	853	0	-6.0	273.0	98	Cầm Mỹ, Trảng Bom, Xuân Lộc, Long Thành, Thống Nhất, Tân Phú, Định Quán
	Rệp sáp	Các giai đoạn	5 - 10	15 - 22	614	23	1	638	0	-8.0	402.0	28	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú, Thống Nhất, TX Long Khánh, Định Quán
	Bệnh tuyến trùng	Các giai đoạn	5 - 10	22	470	45	4	519	0	9.0	-366.0	100	Xuân Lộc, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất
Mía	Bệnh rỉ sắt	Các giai đoạn	15		4	0	0	4	0	1.0	-3.0	0	Trảng Bom
	Sâu đục thân	Các giai đoạn	10		2	0	0	2	0	0.0	0.0	0	Trảng Bom
Sắn (Mì)	Bệnh vi khuẩn	Các giai đoạn	5		4	0	0	4	0	0.0	4.0	0	Trảng Bom
Ngô (Bắp)	Sâu xám	Cây con	5		44	0	0	44	0	20.0	37.0	42	Xuân Lộc, Tân Phú, Thống Nhất
	Rệp ngô	Các giai đoạn			6	0	0	6	0	0.0	6.0	4	Thống Nhất
Lúa	Ốc bươu vàng	Mạ-đẻ nhánh	1 - 3	10	257	53	23	333	0	114.0	-63.0	349	Tân Phú, Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng

													Bom, TP Biên Hòa
	Bọ trĩ (bù lạch)	Mạ-đẻ nhánh	7 - 10		120	0	0	120	0	43.0	80.0	75	Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Trảng Bom
	Bệnh đạo ôn lá	Mạ-đẻ nhánh	10		52	0	0	52	0	0.0	-36.0	52	Tân Phú, Thống Nhất
	Sâu cuốn lá nhỏ	Mạ-đẻ nhánh	10 - 15		36	0	0	36	0	30.0	36.0	36	Tân Phú, Vĩnh Cửu
	Rầy nâu	Mạ-đẻ nhánh			14	0	0	14	0	-2.0	-7.0	12	Thống Nhất
Bầu bí	Dòi đục lá	Các giai đoạn	5		10	0	0	10	0	8.0	10.0	10	Long Thành
Dưa chuột (dưa leo)	Bệnh giả sương mai	Các giai đoạn	5 - 10	25	11	3	0	14	0	1.0	14.0	5	Trảng Bom, Nhơn Trạch
	Ruồi đục lá	Các giai đoạn	5		8	0	0	8	0	4.0	8.0	8	Long Thành
Mướp đắng (khô qua)	Bệnh đốm vàng	Các giai đoạn	15		10	2	0	12	0	-1.0	-2.0	0	Trảng Bom
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 15	25	10	2	0	12	0	7.0	10.0	10	Long Thành, Nhơn Trạch
Rau cải ăn lá	Bọ nhảy	Các giai đoạn	1 - 10		15.5	0.5	0	16	0	-6.0	-1.9	11	Tân Phú, Trảng Bom, Định Quán, Thống Nhất
	Ruồi đục lá	Các giai đoạn	2 - 10	14	8	0	0	8	0	2.0	0.0	8	Thống Nhất, Nhơn Trạch
	Sâu xanh bướm trắng	Các giai đoạn	5	10	6	0	0	6	0	-2.0	6.0	12	Vĩnh Cửu, Nhơn Trạch
Rau cần nước	Sâu xanh	Các giai đoạn			7	0	0	7	0	0.0	7.0	7	Thống Nhất
	Bệnh đốm lá	Các giai đoạn			5	0	0	5	0	0.0	5.0	5	Thống Nhất
Rau mồng tơi	Bệnh đốm mắt cua	Các giai đoạn	1		1	0	0	1	0	0.0	1.0	1	TP Biên Hòa
	Bệnh thối nhũn	Các giai đoạn			0	0	0	0	0	-3.0	0.0	0	